

Bản án số: 43/2024/DS-ST

Ngày: 23-7-2024

V/v: "*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh ngày 19/04/1964;

Căn cước công dân số: 008164006xxx; Ngày cấp: 09/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: 130A/4 Đ, tổ 39, phường C, quận T, thành phố Đ (có mặt).

+ Bị đơn: Bà **Đặng Thị Ánh N**, sinh ngày 28/01/1971;

Căn cước công dân số: 048171005xxx; Ngày cấp: 12/08/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 29/07/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 24/05/2019, bà Nguyễn Thị Thanh H có cho bà Đặng Thị Ánh N mượn số tiền là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng), bà N có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209xxx do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M (bà N là con ruột

của ông M); vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB để làm tin.

Sau đó 02 tháng, bà H có cho bà Đặng Thị Ánh N mượn thêm số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Vào ngày 22/10/2019, bà H có cho bà Đặng Thị Ánh N mượn thêm số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tổng cộng 03 lần bà H cho bà N mượn tổng số tiền là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng).

Hiện tại bà N đã trả được số tiền 84.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 426.000.000 đồng. Bà H đã yêu cầu bà N trả lại số tiền còn nợ chưa trả nhiều lần nhưng bà N không trả nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Ánh N phải trả cho bà H số tiền 426.000.000 đồng. Khi nào bà N trả hết nợ thì bà H sẽ giao trả lại cho bà N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209xxx do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB.

\* Bị đơn là bà Đặng Thị Ánh N trình bày: Bà N xác nhận năm 2019, bà có mượn tiền của bà H với tổng cộng là 510.000.000 đồng, bà N có giao cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209XXX do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M (bà N là con ruột của ông M); vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB để làm tin.

Bà N đã trả cho bà H được số tiền là 84.000.000 đồng, số tiền bà N còn nợ bà H số tiền 426.000.000 đồng như bà H khởi kiện. Bà N trình bày, hiện nay kinh tế của gia đình bà khó khăn nên bà N đề nghị bà H cho bà N trả dần hàng tháng là 10.000.000 đồng, khi nào bà N trả xong thì bà H phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đã giao cho bà H.

*Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

\* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116; 117, 118, 119, 274, 275, 276, 280, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H về việc: “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn là bà Đặng Thị Ánh N. Buộc bà Đặng Thị Ánh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 426.000.000 đồng.

Khi nào bà N trả xong khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Thanh H phải giao trả lại cho bà N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209XXX do Ủy Ban

nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M; số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB;

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Đặng Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] *Về pháp luật áp dụng:* Căn cứ vào các Giấy mượn tiền ngày 24/5/2019; ngày 22/10/2019 giữa bên cho mượn là bà Nguyễn Thị Thanh H với bên mượn tiền là bà Đặng Thị Ánh N. Đây là giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; các bên có tranh chấp, bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Ánh N phải trả số tiền còn nợ. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn là bà Đặng Thị Ánh N có địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về nội dung:* Vào ngày 24/05/2019 bà Đặng Thị Ánh N có viết “*Giấy mượn tiền*”, xác nhận có mượn của bà H số tiền 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) “*có thể chấp sổ đỏ Đặng Công M, số tờ 209764*”; cũng giấy mượn tiền nêu trên bà H có ghi là có mượn thêm của bà H số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*); tổng cộng mượn của bà H là 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*). Tiếp đó, vào ngày 22/10/2019, bà N có viết “*Giấy mượn tiền*” xác nhận có mượn của bà H số tiền 140.000.000 đồng. Theo bà H thì kể từ thời điểm đến mượn tiền đến nay, bà N mới trả cho bà được số tiền 84.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả là 426.000.000 đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N trây ý không trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị Ánh N phải trả số tiền 426.000.000 đồng, khi nào bà N trả hết tiền thì bà trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đã giao để làm tin.

Bà Đặng Thị Ánh N thừa nhận có mượn của bà H tổng số tiền 510.000.000 đồng, bà có giao cho bà H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Đặng Công M (bà N là con của ông M) để làm tin và bà cũng xác nhận đã trả được số tiền 84.000.000 đồng, số tiền chưa trả là 426.000.000 đồng như bà H trình bày, hiện nay hoàn cảnh bà khó khăn chưa có khả năng trả ngay một lần nên đề nghị bà H cho bà trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 24/5/2019; ngày 22/10/2019 có chữ viết, chữ ký của bên mượn tiền

là bà Đặng Thị Ánh N. Bà H và bà N đều thừa nhận bà N đã trả cho bà H được số tiền 84.000.000 đồng, số tiền bà N còn nợ chưa trả là 426.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 426.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Giấy mượn tiền ngày 24/5/2019 và ngày 22/10/2019, phù hợp với các Điều 116; 117, 118, 119, 274, 275, 276 và 280 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[5] Xét lời trình bày của bị đơn là bà Đặng Thị Ánh N thì thấy: Bà N xác nhận có mượn của bà H tổng số tiền 510.000.000 đồng, đã trả được 84.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 426.000.000 đồng. Bà N xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ. Đề nghị xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận như lời trình bày của bị đơn. Do vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ chưa trả là 426.000.000 đồng.

[6] Trong Giấy mượn tiền, bên mượn tiền là bà N có giao (thế chấp cho bà H) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209XXX do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M; số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB; bà H thừa nhận đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, trong Giấy mượn tiền, bà N đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình mình hộ ông Đặng Công M (bà N là con của ông M) để giao cho bà H để làm tin trong việc mượn tiền, các bên không có đăng ký thế chấp theo quy định, tại phiên tòa hôm nay, bà H yêu cầu khi nào bà N trả hết nợ thì bà H sẽ giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Xét yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, khi nào bà N trả hết nợ cho bà H thì bà H phải có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyệt.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm, bà Đặng Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch là: 20.000.000 đồng + (26.000.000đ x 4%) = 21.040.000 đồng.

[8] Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 116; 117, 118, 119, 274, 275, 276, 280, 357 và 468 của Bộ luật dân sự;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H về việc: “*Tranh chấp về kiện đòi tài sản*” đối với bị đơn là bà Đặng Thị Ánh N.

1. Buộc bà Đặng Thị Ánh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền: 426.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả lại cho bà Đặng Thị Ánh N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 209XXX do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho hộ Đặng Công M; số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01xxx/QSDĐ/693/QĐUB; (*bà Nguyễn Thị Thanh H trả lại Giấy chứng nhận nêu trên cho bà Đặng Thị Ánh N khi bà N thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho bà H*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bà Đặng Thị Ánh N phải chịu 21.040.000đ (*Hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí 10.520.000đ (*Mười triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000548 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đức Thiện**